

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST

Ngày: 07-6-2024.

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất,
tài sản gắn liền với đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bá Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vy Thiện Hào

Ông Hoàng Hữu An

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2023/TLST-DS ngày 16/11/2023 về Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXX-ST, ngày 22/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐ-ST, ngày 17/5/2024 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 658/TB-TA, ngày 27/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nông Văn Q, sinh năm 1949, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Nông Văn Q: Bà Dương Thị Quỳnh Hoa – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn G, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1949, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Nông Duy T, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Chị Linh Thúy B, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

4. Bà Nông Thị H (tên gọi khác: Nông Thị T1), sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

5. Anh Ngô Quang T2, sinh năm 2004, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6 Ông Ngô Quang T3, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

7. Ông Ngô Văn P, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

8. Ông Ngô Văn T4, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

9. Bà Ngô Thị V, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn Còn Riêng, xã Tràng Phái, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

10. Bà Ngô Thị G1, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

11. Bà Vy Thị Y, sinh năm 1960, địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

12. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1952, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt

13. Ông Triệu Văn V1, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

14. Ông Nông Văn H1, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

15. Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vn, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Văn H2 – Chủ tịch UBND xã T. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*

Bà Nông Thị N, sinh năm 1962. Vắng mặt.

Ông Nông Văn C, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Bà Hoàng Thị T5, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1966. Vắng mặt.

Ông Nông Văn A, sinh năm 1951. Vắng mặt.

Ông Nông Văn C1, sinh năm 1975. Có mặt.

Ông Nông Văn L, sinh năm 1971. Có mặt.

Đều trú tại: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nông Văn Q trình bày như sau:

Diện tích đất tranh chấp giữa ông và ông G thuộc thửa đất số 173, diện tích khoảng 400m², có địa chỉ tại: Khu đồi C, Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Theo ông Q, thửa đất có các hướng tiếp giáp như sau:

- Hướng Đông giáp Triệu Văn S
- Hướng Tây giáp Nông Văn C1
- Hướng Nam giáp Ngô Văn G
- Hướng Bắc giáp đường tỉnh lộ ĐH59

Nguồn gốc đất do bố mẹ ông là ông Nông Ân L1 và bà Lương Thị C3 (đều đã chết) trước đây khai phá từ năm 1964. Khi đó trồng Ngô, Sắn, đến năm 1985 thì bố mẹ đã chia cho ông Q phần đất này.

Đến năm 1992 ông Q có đổi một phần đất với gia đình ông Triệu Văn S, sau khi đổi thì ông Q đã trồng cây hồi trên đất, không nhớ rõ khoảng bao nhiêu cây, một số đã bị trâu, bò phá hiện nay còn 06 cây còn sống. Đến năm 1993, 1994 con ông là Nông Văn L lại tiếp tục đi lấy cây hồi con về trồng dặm, năm 1995 thì ông Q đi mua cây gai về trồng để làm ranh giới với nhà ông G, nhưng đến năm 1996, 1997 thì ông G đã phát hết các cây gai này nên hiện nay không còn cây nào. Đến năm 2000 lại tiếp tục trồng dặm các cây hồi, nhưng không nhớ rõ trồng khoảng bao nhiêu cây.

Diện tích đất này trước đây ông Q có đi kê khai với trưởng thôn từ năm 1995 nhưng không được cấp vì không đủ 01ha. Năm 1995 bố của ông G là ông Ngô Văn A1 đã đi kê khai xin cấp sổ bìa xanh bao gồm cả phần đất của gia đình ông Q và đến năm 2000 thì ông Ngô Văn A1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp sổ xanh và sổ đỏ cho ông Ngô Văn A1, ông Q không được biết nên không có ý kiến gì.

Đến năm 2002 thì ông Q phát hiện có người đã nhổ cây hồi trồng năm 2000 nên xảy tranh chấp với hộ của ông G. Khi đó Ủy ban nhân dân xã thông báo ai có sổ bìa xanh thì quản lý nên giao cho ông G quản lý phần đất này, đến khi đó mới biết ông G đã được cấp sổ. Nhưng do muốn hai gia đình thỏa thuận nên không khởi kiện, nhưng hàng năm ông Q vẫn quản lý, sử dụng vẫn lên hái hồi. Còn gia đình ông G từ trước đến nay chưa quản lý, sử dụng, chưa trồng cây gì trên phần đất này.

Năm 2007 gia đình ông Q phát quang toàn bộ để xin dự án trồng cây thuốc về trồng vì ông Q làm đông y, nhưng do chưa có sổ và đất tranh chấp nên không xin được dự án, khi đó gia đình ông trồng dặm đỗ xanh ở chỗ các cây hồi bị nhổ.

Tài sản trên đất tranh chấp hiện nay có khoảng 46 cây hồi, ngoài ra còn có một số cây tạp tự mọc, trước đây còn 09 ngôi mộ, nhưng đã bốc 04 mộ, còn có 05 ngôi mộ của bà con hàng xóm xin cho chôn cất nhờ để sau này sẽ bốc đi, gồm của các gia đình:

- Mộ của vợ ông Triệu Văn V1, địa chỉ Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

- Mộ ông Hoàng Văn T6 là anh trai của Hoàng Văn N, địa chỉ Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

- Mộ của Nông Văn T6 là con bà Hoàng Thị M

- Mộ bố của ông Nông Văn H1, địa chỉ Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

- Mộ mẹ của ông Ngô Văn G, địa chỉ Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Với nội dung như trên, nay ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 173, địa chỉ: Khu đồi C, Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

2. Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp là các cây hồi và các cây gỗ tạp tự mọc.

Đối với các ngôi mộ trên đất tranh chấp không yêu cầu phải di dời mà vẫn để cho hàng xóm chôn cất nhờ, sau này gia đình họ sẽ bốc đi nơi khác thì ông Q sẽ tiếp tục sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nông Văn Q đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất 41.5m² thuộc một phần thửa đất số 290.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định được tổng diện tích đất tranh chấp là 2295.6m², trong đó có 41.5m² ký hiệu S3 gồm các điểm G,H,K thuộc một phần thửa đất số 290 (quy chủ ông Nông Văn C1); phần còn lại đều nằm trong một phần thửa đất số 234 (chưa quy chủ cho ai, chưa tách thửa), ký hiệu S1 gồm các điểm A,B,C,D và S2 gồm các điểm A,D,E,F,G,K,L,M thuộc tờ bản đồ số 01, bản đồ đất lâm nghiệp xã T tỷ lệ 1/10.000. Trong tổng diện tích tranh chấp, có phần đất ký hiệu S1 ông Nông Văn Q cho rằng mình đã đổi đất với ông Triệu Văn S năm 1992, cũng thuộc một phần thửa số 234.

Đất tranh chấp có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đất ông Nông Văn A;
- Phía Tây Bắc giáp đường DH58;
- Phía Tây Nam giáp đất ông Nông Văn C1;
- Phía Nam giáp Ngô Văn A1 (nay ông G đang quản lý)

Tài sản trên đất có 42 cây hồi và 04 cây gỗ tạp. Ngoài ra còn có 09 ngôi mộ (04 ngôi mộ đã bốc đi; còn 05 ngôi mộ chưa bốc)

Kết luận giám định tư pháp (chồng ghép bản đồ) do giám định viên Đàm

Văn T thực hiện xác định: Khu đất tranh chấp diện tích 2295.6m² không nằm trong diện tích đất hộ ông Ngô Văn A1 đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q877897, cấp ngày 07/11/2000.

Bị đơn ông Ngô Văn G trình bày:

Diện tích đất tranh chấp thuộc số thửa 173, địa chỉ thửa đất tại: Khu đôi C, thuộc Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất có các hướng tiếp giáp như sau:

- Hướng Đông giáp khe ềng
- Hướng Tây giáp khe nhỏ
- Hướng Nam giáp đất Nông Văn C1
- Hướng Bắc giáp đường cái

Diện tích đất tranh chấp do bố mẹ là ông Ngô Văn A1 (chết năm 2014) và bà Hoàng Thị V3(chết năm 2023) để lại cho các con, nhưng trước khi chết bố mẹ chưa chia đất cho ai, do ông G sống cùng bố mẹ nên ông trực tiếp quản lý, sau này các anh em sẽ chia đất cho nhau. Thửa đất này ông không nhớ rõ bố mẹ ông khai phá từ thời gian nào, chỉ biết từ năm 1995 đã được Nhà nước cấp sổ bìa xanh đứng tên bố là Ngô Văn A1. Đến năm 2000 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q877897, cấp ngày 07/11/2000, đứng tên hộ ông Ngô Văn A1. Tài sản trên đất là các cây hồi đều do bố mẹ trồng, nhưng trồng từ năm nào thì không biết, bản thân ông G từ trước đến nay chưa được trồng cây gì, các anh em cũng không ai được trồng cây trên phần đất tranh chấp mà đều do bố mẹ trồng.

Từ khi bố ông G còn sống thì đất và cây hồi trên đất do bố quản lý, ông G không có đóng góp gì. Bắt đầu từ năm 2013 thì mới bắt đầu giúp bố mẹ quản lý, canh tác, hàng năm vợ chồng ông vẫn đi phát quang và trèo hái hồi. Còn gia đình ông Nông Văn Q chưa bao giờ đi phát và trồng cây, cũng không trèo hái hồi ở khu vực tranh chấp.

Tài sản trên đất hiện nay theo kết quả kiểm đếm tại thực địa khi xã giải quyết tranh chấp gồm có 46 cây hồi, ngoài ra còn có các cây gỗ tạp tự mọc, còn có 05 ngôi mộ. Các ngôi mộ này đều của hàng xóm trong thôn, khi chôn cất không có ai hỏi ông G về việc chôn cất mộ, còn việc họ có hỏi ông Q hay không thì ông G không biết.

Với nội dung như trên, ông yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 173, địa chỉ: Khu đôi C, Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

2. Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp là cây hồi và các cây gỗ tạp tự mọc.

Đối với các ngôi mộ trên đất tranh chấp không yêu cầu di dời, vẫn để cho chôn cất nhờ, sau này gia đình họ sẽ bốc đi chỗ khác.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất và các yêu cầu của nguyên đơn đưa ra để yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn đồng ý với ý kiến của bị đơn về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất và các yêu cầu của bị đơn đưa ra để yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng ông Ngô Văn P, ông Ngô Văn T4 tại phiên tòa cũng khẳng định trước đây ông Triệu Văn S cũng có một phần đất ở giáp khe, giáp ranh khu đất tranh chấp, nhưng có việc đổi đất giữa ông Triệu Văn S và ông Nông Văn Q hay không thì không biết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị M cho rằng diện tích đất tranh chấp giữa ông Nông Văn Q và ông Ngô Văn G là do ông Q quản lý, sử dụng, các cây hòi trên đất là do ông Q trồng, lý do bà biết được việc này là do bà có đất giáp ranh với ông Q, năm 2017 con trai bà là Hoàng Văn Toán chết, lúc đó gia đình bà đã chôn cất nhờ trên đất của gia đình ông Q để sau này bốc mộ đi chỗ khác; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Văn H1, Triệu Văn V1 có mộ của bố đẻ và vợ được chôn cất trên đất tranh chấp đều cho rằng khi bố đẻ và vợ của các ông chết gia đình các ông đều đến gặp ông Q để xin chôn cất nhờ mộ của người thân, sau này sẽ bốc mộ đi nơi khác, khi chôn cất thì ông G cũng không có ý kiến gì.

Tại công văn số 175/CV-UBND, ngày 08/3/2024, Ủy ban nhân dân xã T, huyện V cho biết: Vị trí tranh chấp trước đây gọi là Phai C, nay người dân thường gọi là Co B, thuộc Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ sổ lâm bạ năm 1995; sổ mục kê địa chính; sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 173 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô Văn A1, ngày 07/11/2000, trạng thái rừng lúc giao là rừng đặc sản, loại cây chủ yếu là cây hòi.

Tại công văn số 423/UBND-TNMT, ngày 13/3/2024 của UBND huyện V cho biết: Diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 234 và một phần thửa số 290, qua kiểm tra sổ cấp giấy chứng nhận thì cả 02 thửa đất này đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa có hộ gia đình, cá nhân nào kê khai đăng ký đất đai. Khu đất tranh chấp diện tích 2295.6m² không nằm trong diện tích đất hộ ông Ngô Văn A1 đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q877897, ngày 07/01/2000n đối với thửa đất số 173. Khu đất tranh chấp quy hoạch là đất rừng sản xuất, không nằm trong khu vực quy hoạch xây dựng các công trình công cộng phúc lợi, phát triển kinh tế - xã hội.

Người làm chứng Bà Nông Thị N là vợ của ông Triệu Văn S sau khi đến xem thực địa khu đất tranh chấp và sau khi xem mảnh trích đo địa chính, bà cho biết: Năm 1992 vợ chồng bà có đổi cho ông Nông Văn Q một phần đất, còn bà lấy của ông Q hai phần đất ở nơi khác, phần đất đổi cho ông Q thuộc số lô, sổ thửa nào và diện tích bao nhiêu thì bà không nắm được. Bà Ngân xác định phần đất đổi cho ông Q có các hướng tiếp giáp như sau: Tính từ dưới đường nhựa nhìn lên thì bên trái giáp khe, bên phải giáp đất ông Q, phần phía trên đến đường

mòn do ông Q đào, phía dưới giáp đường nhựa. Đối chiếu với mảnh trích đo thì bà xác định phần đất đổi cho ông Q tương ứng với các điểm A,B,C,D khép về A. Nguồn gốc thửa đất đổi cho ông Q là do chồng bà ông Triệu Văn S khai phá từ trước, đến năm 1985 bà về làm dâu thì tiếp tục trồng cây sắn, đến năm 1992 thì đổi đất cho ông Q. Khi đổi trên đất chỉ có cây sắn, bên phần giáp ranh là đất ông Q thì ông Q trồng cây ngô, phần phía trên đỉnh là đất nhà ông Ngô Văn A1, nhưng chỉ có lác đác vài cây hời. Các cây hời trên đất tranh chấp hiện nay là do ông Q trồng, nhưng cụ thể trồng năm nào thì bà không nhớ vì đã lâu.

Người làm chứng ông Nông Văn A cho biết: Gia đình ông có đất giáp ranh với khu đất tranh chấp, thửa đất của ông trước đây là giáp đất ông Triệu Văn S, sau này thì ông Sơn mới đổi đất cho ông Q. Khu đất tranh chấp từ trước đến nay đều do ông Q quản lý, làm nương trồng sắn, sau này thì trồng cây hời, nhưng trồng năm nào thì không nhớ vì đã lâu. Phần đất này là của ông Q có hàng xóm đều biết, nên khi chôn cất mộ họ đều hỏi ông Q chứ không hỏi ông G. Còn phần đất của ông G là ở phía trên đỉnh, trước đây là ông Ngô Văn A1 quản lý, nay do ông G quản lý.

Người làm chứng ông Nông Văn C, bà Hoàng Thị T5, ông Hoàng Văn M đều xác định trước đây có xin ông Q để chôn cất mộ của người thân trong gia đình, nhưng nay đã bốc đi nơi khác. Lý do hỏi ông Q mà không hỏi ông G vì những người này cho rằng trước đây thường thấy ông Q quản lý, sử dụng trồng sắn, khi chôn cất mộ cũng không thấy ông G có ý kiến gì. Còn cây hời trên đất hiện nay do ai trồng thì không biết.

Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Cả hai bên đương sự đều không có giấy tờ pháp lý chứng minh về quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông Nông Văn Q chứng minh được quá trình quản lý, sử dụng đất, vì những người làm chứng đều xác định khu đất tranh chấp là của ông Nông Văn Q, còn bị đơn không chứng minh được quá trình quản lý, sử dụng đất. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn Q về việc được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và tài sản gắn liền với đất; phần diện tích ông Nông Văn Q đã rút yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết; các chi phí tố tụng đề nghị buộc bị đơn phải chịu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã giải thích quyền trợ giúp pháp lý theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 101, 166, 179, 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 160, 161, 163, 164, 169 BLDS năm 2015; Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 217 BLTTDS; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nông Văn Q:

- Hộ ông Nông Văn Q được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa 234 là 2254,1m² tờ bản đồ địa chính Lâm nghiệp số 01 xã Tràng Phái và toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp;

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 41,5m² thuộc thửa 290 tờ bản đồ địa chính Lâm nghiệp số 01 xã T cùng toàn bộ tài sản trên đất do nguyên đơn rút đơn yêu cầu.

- Buộc ông hộ Ông Ngô Văn G và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp đất và tài sản trên đất tranh chấp đối với hộ ông Nông Văn Q.

- Giữ nguyên hiện trạng các ngôi mộ trên đất tranh chấp, do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, để cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chôn cất nhờ sau này bốc đi nơi khác. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của những ngôi mộ cũng không có ý kiến gì thêm và thống nhất ý kiến với nguyên đơn.

- Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá, giám định bản đồ hết 17.009.000 đồng, nguyên đơn ông Nông Văn Q phải chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá và giám định bản đồ tương ứng với 41,5m² đã rút yêu cầu khởi kiện là $41,5\text{m}^2 \times 7.409 \text{ đồng}/01 \text{ m}^2 = 307.474 \text{ đồng}$. Bị đơn Ông Ngô Văn G phải chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá và giám định bản đồ tương ứng với $2254,1\text{m}^2 \times 7.409 \text{ đồng}/01\text{m}^2 = 16.701.526 \text{ đồng}$.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 2, 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và tài sản tranh chấp đều ở tại Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng nhưng phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà họ vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 227, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về tư cách tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Nông Văn L để tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại đơn từ chối tham gia tố tụng và tại phiên tòa, anh Nông Văn L cho rằng mình có được giúp bố để là Nông Văn Q trồng cây hồi trên đất, nhưng nay anh đã chuyển ra ở riêng, tài sản này gia đình đã thống nhất để lại cho em trai Nông Duy T, nên anh Nông Văn L xác định mình không còn liên quan gì đến tài sản tranh chấp. Như vậy anh Nông Văn L đã từ bỏ quyền sở hữu của mình và không còn liên quan đến tài sản tranh chấp, nên thay đổi tư cách tham gia tố tụng của anh Nông Văn L từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sang tư cách người làm chứng. Đối với ông Nông Văn C1 được quy chủ đứng tên thửa đất số 290 trong sổ mục kê đất đai, theo kết quả đo đạc có một phần diện tích 41,5m² của thửa đất 290 nằm trong diện tích đất tranh chấp nhưng nguyên đơn đã rút yêu cầu phần diện tích trên nên không cần đưa ông Nông Văn C1 tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ xác định là người làm chứng trong vụ án.

[5] Về nguồn gốc đất tranh chấp, quá trình quản lý, sử dụng đất: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được thấy rằng ngoài việc cho rằng thửa đất tranh chấp là của bố, mẹ để lại và cây hồi trên đất là do bố mẹ trồng từ trước thì bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn đều không chứng minh được quá trình quản lý, sử dụng đất của mình, cũng không biết cây hồi trên đất trồng vào thời điểm nào. Còn phía nguyên đơn ông Nông Văn Q mặc dù chưa có các giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, nhưng có căn cứ chứng minh về quá trình quản lý, sử dụng đất của mình, cụ thể: Năm 1992 ông đổi một phần đất với ông Triệu Văn S thể hiện trên mảnh trích đo địa chính là các điểm A,B,C,D và khép về A, lời khai về việc đổi đất của ông Q phù hợp với lời khai của bà Nông Thị N (vợ ông Triệu Văn S), phù hợp với lời khai ông Ngô Văn P, ông Ngô Văn T4 về việc trước đây ông Triệu Văn S cũng có đất ở khu vực này; những người làm chứng đều xác định thửa đất này trước đây do ông Q quản lý trồng sản nên khi chôn cất mộ của người thân họ đều hỏi ý kiến của ông Q mà không hỏi ông G và khi chôn cất ông G cũng không có ý kiến gì; lời khai của nguyên đơn về địa danh cũng phù hợp theo văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân xã T là khu đồi Co B mà không phải Khu đồi C1 như bị đơn trình bày. Lời khai của phía nguyên đơn về quá trình quản lý, sử dụng đất là có cơ sở chấp nhận phù hợp lời khai người làm chứng và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ.

[6] Về giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất: Mặc dù bố của bị đơn là ông Ngô Văn A1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng theo kết luận giám định tư pháp và văn bản số 423/UBND, ngày 13/3/2024 của UBND huyện V thì không nằm trong vị trí đất tranh chấp; còn phía nguyên đơn không có giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất. Căn cứ kết quả đo đạc xác định diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 234, trên sổ mục kê đất đai xã T thì thửa đất này chưa quy chủ cho ai, chưa được tách thửa. Như vậy cả

nguyên đơn và bị đơn đều không có các giấy tờ pháp lý chứng minh về quyền sử dụng đất.

[7] Căn cứ vào nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất qua các thời kỳ, căn cứ các giấy tờ pháp lý chứng minh quyền quản lý, sử dụng đất, kết quả đo đạc, lồng ghép bản đồ. Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và tài sản gắn liền với đất tranh chấp.

[8] Đối với các ngôi mộ chưa bốc, hiện còn trên đất tranh chấp nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết di dời và đều nhất trí tiếp tục cho chôn cất nhờ sau này người thân của họ sẽ bốc chuyển đi nơi khác để trả lại đất. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết các ngôi mộ, nhưng diện tích đất mộ vẫn nằm trong tổng diện tích đất tranh chấp 2254.1m².

[9] Phần diện tích 41.5m² thuộc một phần thửa đất số 290 thể hiện trên sơ đồ gồm các điểm G,H,K cùng toàn bộ tài sản trên đất nguyên đơn đã rút yêu cầu và bị đơn cũng nhất trí, không yêu cầu giải quyết phần đất này. Việc rút yêu cầu là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết phần yêu cầu này.

[10] Chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đo đạc khu đất tranh chấp, giám định tư pháp tổng chi phí là 17.009.000 đồng. Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện diện tích 41.5m² trong tổng diện tích đất tranh chấp 2295.6m² nên phải chịu một phần chi phí tố tụng $41.5\text{m}^2 \times 7.409 \text{ đồng}/1\text{m}^2 = 307.474 \text{ đồng}$. Bị đơn Ngô Văn G phải chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá và giám định bản đồ tương ứng với $2254,1\text{m}^2 \times 7.409 \text{ đồng}/01\text{m}^2 = 16.701.526 \text{ đồng}$. Số tiền này ông Nông Văn Q đã nộp tạm ứng trước, nên ông Ngô Văn G có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Nông Văn Q

[11] Án phí: Bị đơn ông Ngô Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Ông Nông Văn Q không phải chịu án phí sơ thẩm, trả lại cho ông Nông Văn Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003160, ngày 15/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, 5 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1, 5 Điều 161; Điều 162; khoản 1, 5 Điều 165; Điều 166; Điều 227; Điều 229, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 160, 161, 163, 164, 169 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 105, 107, 123 Luật đất đai năm 2003; Điều 26, Điều 95, khoản 3 Điều 100; các Điều 166; 170, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nông Văn Q được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 2254.1m² thuộc một phần thửa đất số 234, tờ bản đồ số 01 bản đồ đất lâm nghiệp xã T tỷ lệ 1/10.000, có các điểm thể hiện trên sơ đồ khu đất tranh chấp gồm A,B,C,D,E,F,G,K,L,M và khép về A. Ông Nông Văn Q được quyền sở hữu toàn bộ tài sản có trên phần đất tranh chấp này. Đất và tài sản gắn liền với đất có địa chỉ tại Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

2. Đình chỉ việc giải quyết một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với phần diện tích diện tích 41.5m² thuộc một phần thửa đất số 234 thể hiện trên mảnh trích đo gồm các điểm G,H,K cùng toàn bộ tài sản trên phần đất này.

3. Chi phí tố tụng

- Ông Nông Văn Q phải chịu 307.474 đồng, xác nhận ông Nông Văn Q đã nộp đủ.

- Ông Ngô Văn G phải chịu 16.701.526 đồng. Số tiền này ông Nông Văn Q đã nộp tạm ứng trước, nên ông Ngô Văn G có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Nông Văn Q.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên bị yêu cầu chậm trả thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí: Bị đơn ông Ngô Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Nguyên đơn ông Nông Văn Q không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Nông Văn Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003160 ngày 15/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan;
- Chi cục THA dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nông Bá Hiệp